



## QUAN HỆ GIỮA BẢN SẮC VÀ NGHÈO ĐÓI TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NGHỆ AN

■ Bùi Minh Hào

Tình trạng chung của hầu hết các nước đang phát triển là mâu thuẫn giữa việc giữ gìn bản sắc tộc người với phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Cái nhìn đó với Việt Nam là rất tương xứng. Nhất là vùng dân tộc thiểu số ở miền núi. Trong khi bức tranh phát triển kinh tế vẫn còn chậm chạp thì sự mai một, mất mát bản sắc văn hóa truyền thống lại trở nên nhanh chóng hơn. Điều đó làm cho nhiều nhà quản lý, nhà nghiên cứu cũng như những người quan tâm lo ngại. Bản sắc và nghèo đói trở thành cặp song đề mâu thuẫn gây bất an cho nhiều người và được xem là vấn đề trọng tâm của các chiến lược phát triển từ cấp trung ương đến cấp địa phương.

Nhưng chúng ta có nên thật sự lo ngại về vấn đề này? Đương nhiên là có nhưng điều đó không có nghĩa là sự lo ngại đó sẽ không còn khi xây dựng các chính sách phát triển hợp lý! Bởi bản sắc không phải là thứ bất biến, mà ngược lại nó luôn được tái tạo, thay đổi và bồi đắp trong quá trình mất đi. Các giá trị cũ không hợp lý sẽ bị cộng đồng gạt bỏ và thay thế bằng các giá trị mới phù hợp hơn. Đó là quá trình tất yếu của sự phát triển. Còn nghèo đói là một thực trạng, cả về nhận thức cũng như thực tiễn. Nhưng cũng như bản sắc, nghèo đói cũng thay đổi theo thời gian. Nghèo đói và bản sắc có mối quan hệ với nhau, nhưng liệu có phải là quan hệ mâu thuẫn như nhiều người vẫn nghĩ hay không thì cần phải xem xét nghiêm túc.

Trên cơ sở dữ liệu khảo cứu và khảo sát từ thực tiễn vùng miền núi phía Tây Nghệ An, bài viết này cung cấp thêm một cái nhìn khác về mối quan hệ giữa bản sắc và nghèo đói. Trong mọi quá trình phát triển, văn hóa và kinh tế luôn là mối quan hệ cốt lõi, vừa là động lực, vừa là mục tiêu và cũng là quá trình. Trọng tâm của bài viết tập trung vào việc phân tích khái niệm bản sắc trên phương diện khoa học phát triển, và khái niệm nghèo đói trên phương diện cấu trúc xã hội để đi tìm mối quan hệ giữa cặp song đề quan trọng nhất của bài viết này. Trên cơ sở phương pháp luận này, bài viết cũng bày tỏ vài gợi mở cho việc tìm kiếm biện pháp phát triển bền vững ở Nghệ An để thảo luận thêm.

### **Bản sắc là cái cốt lõi**

Bản sắc văn hóa tộc người, được hiểu là những giá trị đặc trưng, là cái riêng biệt và cái thuộc về một cộng đồng người được định hình trong một thời gian dài. Đó là những giá trị cốt lõi, mang tính bền vững và được hầu hết các thành viên trong cộng đồng chia sẻ. Nó cũng là những dấu hiệu để nhận biết về văn hóa tộc người. Như vậy, bản sắc không phải là phạm trù được quy định bởi đặc tính tự nhiên, mà nó mang tính xã hội, được hình thành trong một quá trình sinh sống và phát triển, luôn gắn liền và ảnh hưởng đến cuộc sống, đến tâm thức và hành vi của những con người thuộc về cộng đồng, dân tộc đó.

Cũng như nhiều vùng miền, địa phương khác, các dân tộc thiểu số ở Nghệ An tồn tại và phát triển dựa trên những bản sắc văn hóa riêng biệt. Đó là những giá trị cốt lõi của họ được sàng lọc qua những quá trình lịch sử lâu dài. Đặc biệt là những dân tộc đã sinh sống ở đây lâu năm như Thái, Khơ Mú, Mông, Ô Đu và Thổ. Những cộng đồng này đều mang đậm bản sắc văn hóa của riêng mình và đó là kết quả của một quá trình lâu dài thích nghi với tự nhiên, xã hội và tương tác văn hóa.

Hệ thống văn hóa là cơ sở nền tảng để con người, cộng đồng tồn tại và phát triển trong thời gian dài. Nó cũng là cơ sở để phân biệt các cộng đồng với nhau. Ở đây, chúng ta không đi sâu phân tích bản sắc của từng cộng đồng. Vì điều đó khá phức tạp và cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đi trước khám phá. Bài viết muốn nhấn mạnh đến vai trò của bản sắc như là các giá trị cốt lõi giúp cho con người và cộng đồng đó tồn tại và phát triển.

Từ giữa thế kỷ XX, vùng dân tộc thiểu số ở Nghệ An có nhiều biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ. Trong những thập kỷ đầu biến đổi chủ yếu do tác động từ các chính sách phát triển của Nhà nước khi liên tiếp thực hiện các chính sách kiểm soát các nguồn tài nguyên quan trọng, đưa người miền xuôi lên miền núi, vùng dân tộc thiểu số để sinh sống, xây dựng các nông, lâm trường ở vùng dân tộc thiểu số, rồi hàng loạt các hợp tác xã được hình thành... Những chính sách này đã tác động lớn đến đời sống người dân tộc thiểu số. Phương thức kiếm sống của họ cũng bắt đầu thay đổi khi các nguồn tài nguyên, đặc biệt là rừng do Nhà nước quản lý. Tiếp đó là sự thay đổi về thiết chế xã hội khi các thiết chế mới được xây dựng và ngày càng chiếm ưu

thế. Hệ quả là các giá trị văn hóa truyền thống bắt đầu thay đổi theo hướng tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa từ miền xuôi lên. Nó làm cho bản sắc văn hóa cộng đồng bị mai một và nhiều cộng đồng rơi vào nguy cơ mất dần bản sắc văn hóa. Hơn ba thập kỷ gần đây, hàng loạt các làn gió mới tác động đến đời sống người dân vùng dân tộc thiểu số sau khi Việt Nam thực hiện đường lối Đổi mới và hội nhập quốc tế. Đó là những làn gió của thời đại như toàn cầu hóa, hiện đại hóa và thị trường hóa. Hơn bao giờ hết, bản sắc tộc người của các dân tộc thiểu số ở Nghệ An nói riêng cũng như cả nước nói chung đối diện với nguy cơ bị mai một, mất mát nhanh chóng. Và thực tế, vùng dân tộc thiểu số Nghệ An trong vài thập kỷ qua đã thay da đổi thịt đáng kể. Cơ sở hạ tầng, đời sống vật chất không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, so với các khu vực khác thì vùng dân tộc thiểu số vẫn còn phát triển chậm chạp. Nhưng bản sắc văn hóa lại mai một, mất mát nhanh chóng. Hầu hết các cộng đồng tộc người ở Nghệ An hiện nay đều ít nhiều bị mất bản sắc. Từ văn hóa vật thể, phi vật thể hay văn hóa xã hội đều biến đổi nhanh chóng. Nhiều nhóm rơi vào tình trạng bị đồng hóa khi bản sắc trở nên mờ nhạt. Nó đặt ra thách thức làm sao để bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người trong quá trình phát triển kinh tế.

### **Nghèo đói là thực trạng**

Trong bức tranh chung về tình trạng nghèo đói thì vùng dân tộc thiểu số là điểm trũng, với tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao hơn nhiều lần so với các vùng khác. Những khu vực như miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền núi Thanh Nghệ Tĩnh luôn là những vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước. Vùng sâu, vùng xa, vùng cao, hải đảo là những địa bàn đói nghèo phổ biến nhất. Xét theo tộc người thì nhóm các dân tộc thiểu số rất ít người là nhóm có tỷ lệ hộ

nghèo cao nhất, tiếp đến là nhóm các tộc người có dân số đông hơn nhưng sinh sống ở những vùng có điều kiện khó khăn.

Nghệ An, theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh thì đến năm 2018 có 39 nhóm dân tộc cùng sinh sống trong cả tỉnh. Có những dân tộc có số người lên đến hàng vạn, cũng có những dân tộc chỉ có một nhóm mấy chục hộ mới chuyên cư về đây sinh sống trong thời gian gần đây. Về cơ bản, Nghệ An có 5 dân tộc thiểu số chủ yếu là Thái, Mông, Thổ, Khơ Mú, Ô Đu. Các dân tộc thiểu số tập trung sinh sống chủ yếu ở miền núi.

Để rõ hơn vấn đề đói nghèo vùng dân tộc thiểu số thì chúng ta cần hiểu thêm thế nào là vùng dân tộc thiểu số. Theo Nghị Quyết số 28/NQ-CP năm 2020 thì “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là các xã, thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 15% trở lên”. Cơ quan chức năng như Ban Dân tộc tỉnh, Phòng Dân tộc huyện khi tiến hành thống kê các số liệu liên quan đều dựa vào khái

niệm này để thực hiện. Nên có những huyện chỉ có một xã có người dân tộc thiểu số có tỷ lệ từ 15% trở lên vẫn thống kê. Nhưng số liệu đó khi so sánh để xem tỷ lệ là tương ứng với cấp xã chứ không phải cấp huyện. Những số liệu thống kê dưới đây từ Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An cũng được thực hiện theo vùng dân tộc thiểu số như vậy. Theo đó, vùng dân tộc thiểu số ở Nghệ An gồm có 1.070 thôn, bản thuộc 129 xã ở 12 huyện và thị xã. Trong đó, chủ yếu tập trung nhiều ở các huyện miền núi phía Tây. Thống kê vào đầu năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An cho thấy, có 108.299 hộ gia đình người dân tộc thiểu số sinh sống thuộc vùng dân tộc thiểu số. Tổng số hộ gia đình ở các địa phương có người dân tộc thiểu số sinh sống là 160.128 hộ gia đình.

**Tình trạng hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An năm 2019**

Tổng số xã	Tổng số thôn/bản	Tổng số hộ	Số hộ DTTS	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ nghèo DTTS	Tỷ lệ (%)
129	1.070	160.128	108.299	30.110	18,8	28.081	93,3

*(Thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2020)*

Theo số liệu thống kê trên cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số là 18,8% trong khi tỷ lệ đói nghèo trung bình cả tỉnh là 4,1%, tức là cao gấp 4,6 lần. Trong đó, số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số ở

vùng dân tộc thiểu số chiếm đến 93,3%, một tỷ lệ cao so với nhiều vùng khác. Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số ở các huyện thị cũng khác nhau.

**Tình hình nghèo đói các địa phương vùng dân tộc thiểu số ở các huyện thuộc tỉnh Nghệ An**

Huyện	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ (%)
Kỳ Sơn	16.250	7.493	46,11	7.492	99,99
Tương Dương	18.038	4.319	23,94	4.269	98,84
Quế Phong	15.943	4.223	26,49	4.147	98,2
Quỳ Châu	14.626	3.608	24,69	3.331	92,32
Con Cuông	16.727	3.163	18,91	3.012	95,23
Quỳ Hợp	26.785	3.845	14,36	3.366	87,54
Nghĩa Đàn	19.880	928	4,69	623	67,13
Tân Kỳ	18.631	978	5,25	578	59,1
Anh Sơn	4.138	220	5,32	121	55,0
Thanh Chương	2.737	1.200	43,84	1.064	88,67
Thái Hòa	5.324	78	1,47	34	43,59
Quỳnh Lưu	1.049	55	5,24	44	80,0

*(Thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, 2020)*

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Theo bảng số liệu thống kê trên, vùng dân tộc thiểu số Nghệ An trải rộng trên 12 huyện thị. Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số cao nhất ở các huyện vùng núi cao như Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong với trên 98%, trong đó Kỳ Sơn gần như là tuyệt đối. Tỷ lệ thấp nhất là thị xã Thái Hòa với hơn 43%. Riêng Quỳnh Lưu, trong bảng số liệu thống kê thì tỷ lệ là 80%, nhưng như đã phân tích ở trên là số liệu thống kê tính cho địa phương có người dân tộc thiểu số từ 15% trở lên. Theo đó thì Quỳnh Lưu chỉ có một xã thuộc vùng dân tộc thiểu số là xã Tân Thắng, nên tỷ lệ đó so với số hộ nghèo của xã chứ không phải của cả huyện.

Nguyên nhân của tình trạng nghèo đói vùng dân tộc thiểu số đã được đề cập qua nhiều nghiên cứu cũng như các đề tài khoa học liên quan đến đánh giá tình trạng đói nghèo. Nhưng gần như cách phân tích vẫn quy về điều kiện tự nhiên nhiều hơn. Đúng là môi trường có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình phát triển, nhưng bên cạnh đó còn có nhiều nhân tố khác. Có nhiều cách nhìn khác nhau về vấn đề này, trong đó, nhân học phát triển quan tâm đến những vấn đề liên quan đến “lực”. Đó là bốn yếu tố quan trọng gồm nguồn lực, năng lực, động lực và tự lực. Nguồn lực gồm có yếu tố tài nguyên thiên nhiên như rừng, đất, sông, suối, nước, hệ sinh thái, hệ động thực vật... Nguồn lực xã hội như chính sách phát triển, cơ chế quản lý, tính hiệu quả của các thiết chế xã hội.

Trong tiếp cận sinh kế bền vững cũng quy về các nguồn vốn bao gồm vốn tự nhiên, vốn kinh tế, vốn tài chính, vốn văn hóa, vốn xã hội, vốn con người. Năng lực chính là khả năng nhận thức, hành động của con người với quá trình phát triển. Nó cũng là sự tích lũy từ quá trình học tập, kinh nghiệm, trải nghiệm và chia sẻ, tương tác của con người. Nói cách khác, năng lực là quá trình cá nhân hóa cá nhân tổ nguồn lực vào sự phát triển cụ thể. Có năng lực cộng đồng và năng lực cá nhân. Theo xu hướng phát triển, năng lực cá nhân ngày càng được đề cao nhưng luôn gắn với sự phát triển cộng đồng. Động lực chính là cơ sở nền tảng cũng như mục tiêu phát triển của các cá nhân và cộng đồng. Thoát nghèo cũng là một động lực. Nhưng động lực để vùng dân tộc thiểu số phát triển nếu chỉ thoát nghèo thôi chưa đủ, đó là sự bình đẳng, tiếng nói cộng đồng, vị thế hòa nhập cũng như vai trò trong quá trình phát triển. Người ta luôn vươn lên bởi ai cũng cần sự tôn trọng, đặc biệt là các nhóm yếu thế, và hộ nghèo chính là nhóm yếu thế trong thế giới chậm phát triển. Cuối cùng là nhân tố tự lực. Nếu chính bản thân các hộ nghèo, những người



Kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chính trong cuộc sống đồng bào dân tộc miền núi Nghệ An

được/bị/thuộc vào nhóm hộ nghèo không có ý chí tự lực thoát nghèo, không muốn vươn lên thì mọi nhân tố khác cũng khó đạt hiệu quả. Tự lực chính là phát huy vốn văn hóa của mỗi cá nhân, tức là dạng vốn văn hóa chủ quan, gắn với con người cụ thể. Ở thể trạng đó, con người sẽ vận dụng được nguồn lực, phát huy được năng lực và tận dụng được động lực để vươn lên. Trong bối cảnh vùng dân tộc thiểu số, cả bốn yếu tố liên quan đến “lực” đều có những vấn đề nhất định, nên quá trình phát triển đối diện với nhiều thách thức lớn.

**Phát triển như là sự cân bằng giữa giữ gìn bản sắc và xóa đói giảm nghèo**

Thách thức lớn nhất trong phát triển vùng dân tộc thiểu số hiện nay chính là mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa tộc người và nghèo đói. Từ đầu những năm 2000 đến nay, chúng ta rơi vào một vòng luẩn quẩn quan trọng trong quá trình phát triển vùng dân tộc thiểu số. Đó là tình trạng đói nghèo, chúng ta phải xóa đói giảm nghèo bằng mọi giá, vốn là mục tiêu cơ bản của cuộc chiến chống đói nghèo giai đoạn đầu. Vì cố gắng xóa đói giảm nghèo bằng mọi giá nên chúng ta làm tổn thương, mai một bản sắc văn hóa tộc người. Khi phát hiện ra điều đó, có quan điểm ngược lại là cố gắng bảo tồn bản sắc, nhưng lại đẩy cộng đồng rơi vào nghèo đói. Từ đó nảy sinh nhiều quan điểm khác nhau cũng như các chính sách khác nhau để xử lý mối quan hệ này. Mong muốn lớn nhất chính là vừa xóa đói giảm nghèo vừa bảo tồn bản sắc nhưng điều này quá khó. Tình trạng phổ biến nhất chính là đánh đổi bản sắc để xóa đói giảm nghèo.

Hàng loạt các vấn đề kinh tế - xã hội đã diễn ra nhằm giải quyết mối quan hệ giữa bản sắc và nghèo đói. Trước hết là di cư. Sự di cư là một cuộc tìm kiếm sinh kế của người dân. Người ta di cư để kiếm việc làm, tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống. Hệ quả của di cư là làm thay đổi bản sắc do tiếp biến văn hóa, sinh sống cộng cư cũng như quá trình thích ứng. Biểu hiện rõ nhất chính là quá trình phá bản sắc, tái tạo bản sắc, tiếp nhận và tạo ra bản sắc kép hay đa bản sắc. Nó làm cho quá trình phai nhạt, mai một bản sắc văn hóa càng trở nên nhanh chóng và mạnh mẽ hơn.

Trong vài thập kỷ gần đây, dưới sự tác động của hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số, chủ yếu tập trung vào quá trình xóa đói giảm

nghèo, bản sắc văn hóa tộc người lại càng bị thách thức. Chính sách hỗ trợ thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, Kinh hóa, thị trường hóa đến mức cao độ trong khi người dân vẫn còn thụ động, tiếp nhận một cách tiêu cực hơn thì việc mai một bản sắc càng thêm nhanh chóng. Nhìn lại khoảng ba thập kỷ qua, ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Nghệ An thay đổi nhanh chóng, tiếng Kinh ngày càng phổ biến và trở thành ngôn ngữ liên dân tộc, có khi trở thành ngôn ngữ chính vùng dân tộc thiểu số bởi trong trường học từ tiểu học đều học tiếng Kinh. Các yếu tố văn hóa khác như trang phục, ẩm thực, nghệ thuật và cả phong tục tập quán, tư duy của con người... cũng biến đổi nhanh chóng. Làng bản từ kết cấu mở chuyển sang kết cấu khép kín hơn. Tính cộng đồng ngày càng hạn chế hơn trong khi tính cá nhân lại được phát triển. Lợi ích trở thành những cầu nối chung cho nhiều người và nhóm người... Nói chung, quá trình phát triển trong giai đoạn vừa rồi mang tính chất từ bỏ bản sắc văn hóa để xóa đói giảm nghèo. Nghe có vẻ nặng nề nhưng nó có lý khi nhìn nhận thực tế đã xảy ra.

Chúng ta đang bàn về sự phát triển theo nghĩa hài hòa giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và xóa đói giảm nghèo. Điều này được nhắc đến trong nhiều văn bản chính sách của nhà nước. Nhưng thực tế không dễ thực hiện. Nhiều con đường được đưa ra và thực hiện như du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch ẩm thực, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản... Có đến hàng trăm dự án, đề tài và cả chương trình phát triển liên quan đến các nội dung này với hy vọng giải quyết được mối quan hệ giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và xóa đói giảm nghèo, xa hơn là phát triển kinh tế - xã hội, làm cho vùng dân tộc thiểu số giàu mạnh hơn.

**Đa dạng hóa sinh kế như là một con đường phát triển bền vững**

Trước hết, phải giải quyết vấn đề kinh

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tế. Nhưng trên thực tế, không được tách hai vấn đề bản sắc và nghèo đói ra nếu muốn phát triển bền vững. Bởi nếu tập trung vào việc giải quyết nghèo đói mà bỏ quên bản sắc thì đến lúc nào đó chúng ta không thể quay lại từ điểm xuất phát để sửa đổi. Nhưng trên lý thuyết, vẫn có thể tách ra để tìm những phương án giải quyết các vấn đề một cách có hiệu quả hơn. Theo đó, giải quyết vấn đề kinh tế sao cho người dân có được cuộc sống an toàn tương đối, giảm thiểu được nghèo đói. Về phương diện này, đa dạng hóa sinh kế là một con đường, một lựa chọn tối ưu.

Đa dạng hóa sinh kế, là một quá trình chuyển đổi từ đơn canh, độc canh sang xen canh, đa canh trong nông nghiệp, là phát triển nhiều ngành nghề, nhiều mô hình sinh kế khác nhau. Việc đa dạng hóa sinh kế giúp người dân tránh được nhiều nguy cơ của sự đói nghèo từ việc thiên tai lũ lụt, hạn hán đến việc thị trường bấp bênh hay sự thất bại trong một hoạt động kinh tế. Bởi khi đa dạng hóa sinh kế, người dân sinh sống bằng nhiều trụ cột kinh tế khác nhau, nếu có một sinh kế, một trụ cột kinh tế bị thất bại, mất mùa thì vẫn còn những sinh kế khác. Các hoạt động kinh tế khác giúp họ giảm thiểu được rủi ro. Giảm thiểu rủi ro hay tiệm cận sự an toàn là một lựa chọn, một mong muốn của người dân trong bối cảnh thiên nhiên ngày càng biến động cũng như sự thay đổi khó lường trong thời đại kinh tế thị trường. Với miền núi Nghệ An, điều đó tương đối phổ biến. Trước đây, hầu hết các cộng đồng từ người Thái, Thổ, Khơ Mú, Ô Đu đến người Mông trên đỉnh cao đều sinh sống chủ yếu dựa vào canh tác

nương rẫy hoặc ruộng nước. Họ chủ yếu canh tác trên một diện tích đất đai vừa phải, trồng một số loại cây truyền thống quen thuộc với họ bằng kỹ thuật mà họ tích lũy được qua nhiều thế hệ sinh sống. Không thể nói kỹ thuật này thấp hay cao, mà quan trọng là nó phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi họ sinh sống. Những cây họ trồng cũng vậy, phù hợp với nhu cầu cuộc sống của mình chứ không phải theo nhu cầu thị trường như hiện nay. Họ trồng lúa nương hoặc lúa nước (chủ yếu là nếp), ngô, sắn, đậu răng ngựa, các loại rau... cùng với đó là khai thác các sản phẩm từ rừng. Về cơ bản, cuộc sống của họ ổn định tương đối. Nhưng khi thiên tai lũ lụt hay hạn hán, thì cuộc sống người dân trở nên bấp bênh do mùa màng thất bát trong khi các nghề khác để hỗ trợ lại hạn chế. Các nghề thủ công chủ yếu là đan lát để phục vụ nhu cầu cuộc sống. Kinh tế hàng hóa kém phát triển. Vậy nên, nhìn chung đời sống người dân khá bấp bênh, nhất là khi có sự biến động lớn. Cũng cần nói thêm, từ khi nhà nước thắt chặt quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nước, đất thì sinh kế của người dân cũng có những thay đổi nhất định. Điều đó khiến họ phải thay đổi suy nghĩ, thói quen lẫn kỹ thuật. Và họ cũng làm quen với



Hội sinh các làng nghề dệt thổ cẩm góp phần đa dạng sinh kế cho người Thái ở Con Cuông

chiến lược đa dạng hóa sinh kế mà các tổ chức nhà nước và ngoài nhà nước hỗ trợ, giúp đỡ thêm.

Trong khoảng hai thập kỷ qua, người dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An thực hiện một quá trình chuyển đổi theo hướng đa dạng hóa sinh kế. Đến nay, hầu hết các cộng đồng đều sinh sống dựa trên nhiều trụ cột kinh tế khác nhau. Nông nghiệp định canh và đa canh, xen canh làm giảm thiểu các tác động tiêu cực từ thiên tai. Nhiều loại cây trồng mới được đưa lên hoặc một số cây bản địa nhưng được đầu tư phát triển theo hướng hàng hóa và ngày càng đưa lại lợi ích kinh tế cao cho người dân như cây chanh leo, cây mận, cây đào, một số loại thảo dược. Việc sản xuất nông nghiệp cũng được đầu tư nhiều hơn nên năng suất và sản lượng tăng cao hơn. Bên cạnh đó, thủ công nghiệp ở một số cộng đồng cũng được trỗi dậy phát triển theo hướng thị trường và tạo ra nguồn thu nhập cao hơn cho người dân. Thương mại cũng phát triển mạnh mẽ hơn. Sự trao đổi hàng hóa ngày càng sâu rộng hơn. Nhiều thứ hàng hóa được chuyển từ miền xuôi lên với nhiều mẫu mã và giá cả cũng hợp lý, tạo cho người dân nhiều sự lựa chọn. Cùng với đó là những đặc sản, sản phẩm thủ công của người dân cũng được đưa ra thị trường. Ở một khía cạnh khác, thị trường lao động cũng rộng mở. Nhiều thanh niên ở miền núi đã rời bản đi làm ăn xa, đến các đô thị trong tỉnh hoặc các thành phố lớn và các địa phương khác ở trong Nam ngoài Bắc. Dù con số cụ thể hiện nay chưa được thống kê, nhưng số lao động từ miền núi di cư ra làm việc ở các khu công nghiệp, các đô thị không phải là con số nhỏ. Họ cũng góp phần làm thay đổi cuộc sống của các cộng đồng ở miền núi Nghệ An.

Như vậy, quá trình đa dạng hóa sinh kế đã giúp đồng bào tham gia vào nhiều hoạt động kinh tế hơn, có nhiều nguồn thu nhập hơn và giảm thiểu mức rủi ro của cuộc sống con người trước những biến động của tự nhiên hay của kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, quá trình đa dạng hóa sinh kế, về mặt kinh tế đã góp phần giải quyết được nhiều mặt của vấn đề nghèo đói. Nhưng nó chưa đủ sức để xử lý vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người trong quá trình phát triển. Nói cách khác, đa dạng hóa sinh kế chưa giúp cho người dân cũng như chính quyền hay những người hoạch định chiến lược phát triển nhận biết được các nguồn lực văn hóa trong quá

trình phát triển. Điều này đòi hỏi phải có những mô hình sinh kế bền vững hơn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế cũng như bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người. Do vậy, chúng ta cần có khung phân tích mới để nhận thức về vấn đề phát triển bền vững ở miền núi. Và khung sinh kế bền vững là một khung phân tích cần quan tâm.

Nhìn chung, khái niệm sinh kế bền vững bắt nguồn từ những nghiên cứu trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo ở các nước đang phát triển. Qua phân tích nhiều mô hình sinh kế, các nhà nghiên cứu đưa ra thảo luận nhằm tìm ra một khung sinh kế bền vững. Sau đó, Bộ Phát triển Quốc tế Anh (Department for International Development - DFID) đã tổng hợp và đưa ra khung sinh kế bền vững vào cuối thập niên 90 của thế kỷ XX. Nội dung chủ đạo của khung sinh kế bền vững là “lấy con người và sinh kế của họ làm trung tâm để phân tích, nghĩa là đặt con người ở trung tâm của sự phát triển”. Trọng tâm của khung sinh kế bền vững là tập trung vào các loại vốn, trong đó chủ yếu là năm loại vốn gồm có vốn vật chất (cơ sở hạ tầng, hàng hóa...), vốn tài chính (nguồn lực tài chính để sử dụng), vốn xã hội (quan hệ xã hội, mạng lưới, niềm tin, nhóm thành viên...) vốn con người (tri thức, kỹ năng làm việc, sức khỏe...) và vốn tự nhiên (đất đai, rừng, nước, nguyên liệu...). Hiện nay, trong bối cảnh nước ta, thì các nhà nghiên cứu còn bổ sung thêm một nguồn vốn nữa là vốn văn hóa và xem đây là một nguồn nội lực quan trọng. Dựa theo khung sinh kế bền vững với 6 loại vốn này để phân tích quá trình phát triển cũng như xây dựng các mô hình sinh kế bền vững cho từng địa phương ở miền núi Nghệ An sẽ gợi mở ra nhiều hướng đi mới cả về nhận thức lẫn thực tiễn. Và nó cũng góp phần giải quyết mối quan hệ bản sắc và nghèo đói vốn đang trở nên cấp thiết hiện nay./.